

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 11 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Điền

Bà Vũ Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2018/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018, về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trang Thị Kiều P, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh C, sinh năm 1972; địa chỉ: Đai Loan (xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trang Thị Kiều P trình bày: Chị và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/12/2017 (bút lục số 02). Sau khi kết hôn thì giữa chị và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau nên giữa chị và anh C không chung sống với nhau như vợ chồng. Trong thời gian ở Việt Nam anh C ở khách sạn còn chị thì ở nhà cha mẹ chị tại ấp V, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Từ đầu năm 2018 đến nay giữa chị và anh C không liên lạc với nhau, đến ngày 03/5/2018 anh C sang Việt Nam để làm thủ tục ly hôn theo yêu

cầu của chị. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2018 (bút lục số 25-24) bị đơn anh C trình bày: Anh và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Chị P có yêu cầu được ly hôn với anh, anh cũng đồng ý. Giữa anh và chị P không có con chung, tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể về Việt Nam để tham gia các buổi làm việc, hòa giải và xét xử nên anh C yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Ngày 05/10/2018 (bút lục số 42-43) chị Trang Thị Kiều P có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành buổi kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, lý do anh C đã đồng ý ly hôn với chị nên chị không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 121 và Điều 122 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trang Thị Kiều P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh C có quốc tịch Đài Loan (Trung Quốc) hiện đang cư trú tại Đài Loan nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, chị Trang Thị Kiều P có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/11/2018 và tại biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2018 anh C có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa xét xử, xét thấy yêu cầu xin xét xử vắng mặt của anh C và chị P là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh C và chị P. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự

quy định những vụ án không tiến hành hòa giải được “*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*” do chị P có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ ngày 05/10/2018 nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao, nộp công khai chứng cứ và hòa giải đối với vụ án yêu cầu ly hôn giữa chị P và anh C theo quy định pháp luật nêu trên.

[3] Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trang Thị Kiều P và anh C có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/12/2017 (bút lục số 02). Chị P và anh C đều thống nhất xác định việc kết hôn của anh chị là tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị P và anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ.

[4] Sau khi kết hôn thì giữa chị P và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau nên giữa chị và anh C không chung sống với nhau như vợ chồng. Trong thời gian ở Việt Nam anh C ở khách sạn còn chị thì ở nhà cha mẹ chị tại ấp V, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Từ đầu năm 2018 đến nay giữa chị và anh C không liên lạc với nhau, đến ngày 03/5/2018 anh C sang Việt Nam để làm thủ tục ly hôn theo yêu cầu của chị. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C và tại biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2018 anh C cũng đồng ý ly hôn với chị P. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, nhưng hôn nhân của chị P và anh C không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau và hiện nay chị P và anh C mỗi người ở một nơi không còn liên lạc được với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị Trang Thị Kiều P được ly hôn với anh C.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Trang Thị Kiều P và anh C xác định không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Trang Thị Kiều P phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trang Thị Kiều P cho chị Trang Thị Kiều P được ly hôn với anh C, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 29, Điều 37, Điều 228 và Điều 422, khoản 1 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009

của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn của chị Trang Thị Kiều P.

Xử cho chị Trang Thị Kiều P, sinh năm 1986 được ly hôn với anh C, sinh năm 1972.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trang Thị Kiều P phải nộp 300.000 đồng. Chị Trang Thị Kiều P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu 0009650 ngày 02/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Trang Thị Kiều P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- CTHADS tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- UBND huyện H(01 bản)
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Văn Hoàng